

Số: 26 /GM-UBND

Lai Châu, ngày 06 tháng 4 năm 2018

GIẤY MỜI

Kính gửi:.....
.....

Thực hiện Công văn số 2074/BKHĐT-TTr ngày 02/4/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố Quyết định thanh tra. UBND tỉnh trân trọng kính mời đồng chí dự buổi công bố quyết định thanh tra của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

1. Thành phần:

- Đại diện Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Đại diện Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đại diện Lãnh đạo các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh;
- Đại diện lãnh đạo các Ban QLDA ĐTXD chuyên ngành tỉnh;
- Đại diện UBND các huyện, thành phố; Đại diện lãnh đạo Ban quản lý dự án các huyện, thành phố.

2. Nội dung:

Công bố quyết định thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công giai đoạn 2015-2017.

3. Thời gian: ½ ngày, bắt đầu từ 14 giờ 00, thứ Tư, ngày 18/4/2018.

4. Địa điểm: Phòng họp UBND tỉnh, Tầng 3, Nhà B, Khu Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị báo cáo về việc chấp hành pháp luật về đầu tư công giai đoạn 2015-2017, số lượng 25 bộ; UBND các huyện, thành phố, các Ban QLDA căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chuẩn bị tài liệu liên quan phục vụ buổi làm việc theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2074/BKHĐT-TTr ngày 02/4/2018 (Sao gửi Công văn kèm theo).

Thừa lệnh Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh kính mời đồng chí tới dự đúng thời gian và thành phần./.

Nơi nhận:

- Như thành phần;
- TT. THCB; Phòng QTTV;
- Lưu: VT, TH.

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Kieu Hai Nam

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 2074 /BKHDĐT-TTr

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v công bố Quyết định thanh tra

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2018

VĂN PHÒNG UBND TỈNH LAI CHÂU	
CÔNG	Số: 876.
VĂN	Ngày: 04/04/2018...
ĐẾN	Chuyển: <i>Đ/c. G. G. G.</i> ✓

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

(T. vụ)

Thực hiện Quyết định số 338/QĐ-BKHĐT ngày 26/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công tại tỉnh Lai Châu giai đoạn 2015-2017, Đoàn Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tổ chức công bố Quyết định thanh tra.

Để đảm bảo cho cuộc thanh tra được tiến hành đúng Kế hoạch và đạt kết quả tốt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh Lai Châu chuẩn bị tổ chức Hội nghị công bố Quyết định thanh tra với chương trình, nội dung như sau:

1. Tổ chức hội nghị

Địa điểm tổ chức: Tại trụ sở UBND tỉnh Lai Châu.

Thời gian: Bắt đầu lúc 14 giờ 00, ngày 18/4/2018.

Thành phần tham dự:

- Đại diện Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Đại diện Lãnh đạo UBND tỉnh Lai Châu;
- Đại diện Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Lãnh đạo các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn Nhà nước về đầu tư công giai đoạn 2015-2017;
- Đại diện các Sở, ban, ngành khác có liên quan nội dung thanh tra, kiểm tra;
- Đoàn Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Chương trình, nội dung

- Chương trình hội nghị (*Phụ lục số 01 kèm theo*)
- Nội dung chuẩn bị:

Đề nghị UBND tỉnh Lai Châu:

+ Chuẩn bị Báo cáo để trình bày tại Hội nghị (*theo đề cương hướng dẫn tại Văn bản số 267/BKHĐT-TTr ngày 12/01/2018 của Bộ KH&ĐT để trình bày tại Hội nghị*);

+ Có giấy mời các thành phần tham dự Hội nghị (trừ đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Đoàn Thanh tra);

+ Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu để cung cấp cho Đoàn Thanh tra ngay sau khi công bố Quyết định Thanh tra (Phụ lục số 02 kèm theo);

+ Bố trí địa điểm làm việc cho Đoàn Thanh tra trong thời gian Đoàn làm việc tại tỉnh;

+ Giao cho một đơn vị làm đầu mối giúp UBND tỉnh Lai Châu trong thời gian Đoàn làm việc tại địa phương và chỉ đạo đơn vị làm đầu mối; các sở, ban, ngành; UBND các huyện; các chủ đầu tư, ban quản lý dự án triển khai thực hiện, phối hợp với Đoàn Thanh tra;

Trong quá trình làm việc tại địa phương, Đoàn Thanh tra sẽ liên hệ trực tiếp với UBND tỉnh Lai Châu để triển khai thực hiện Kế hoạch của Đoàn và yêu cầu các tổ chức, cá nhân đến giải trình, làm rõ các nội dung có liên quan (nếu cần).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư mong nhận được sự phối hợp của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lai Châu để Đoàn Thanh tra hoàn thành tốt nhiệm vụ./. *Vg*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Trung (để b/c);
- Chánh Thanh tra Bộ;
- Trưởng Đoàn thanh tra;
- Lưu: VT, TTr, Hồ sơ TTr. *HT*



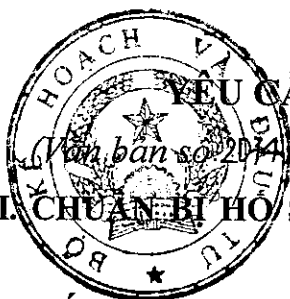


Phụ lục số 01

CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH THANH TRA

(Văn bản số 2017/BKHĐT-TTr ngày 02/4/2018 của Bộ KH&ĐT)

1. Đại diện UBND tỉnh Lai Châu giới thiệu thành phần tham dự Hội nghị.
2. Trưởng đoàn thanh tra công bố Quyết định thanh tra.
3. Đại diện UBND tỉnh Lai Châu trình bày Báo cáo về việc chấp hành pháp luật về đầu tư công giai đoạn 2015 - 2017:
 - Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công.
 - Việc phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công.
 - Việc quản lý và thực hiện các dự án đầu tư công, các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (kể cả các dự án chuyển tiếp được thực hiện trong giai đoạn 2015 - 2017).
4. Trưởng đoàn thanh tra thông báo nội dung Kế hoạch tiến hành thanh tra.
5. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan phát biểu ý kiến.
6. Đại diện UBND tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến.
7. Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát biểu ý kiến.
8. Trưởng đoàn thanh tra phát biểu kết thúc Hội nghị.
9. Trưởng đoàn thanh tra và đại diện UBND tỉnh Lai Châu ký Biên bản công bố Quyết định thanh tra.



Phụ lục số 02

YÊU CẦU CUNG CẤP HỒ SƠ, TÀI LIỆU

(Văn bản số 2014/BKHĐT-TTr ngày 02/4/2018 của Bộ KH&ĐT)

I. CHUẨN BỊ HỒ SƠ, TÀI LIỆU ĐỀ CUNG CẤP CHO ĐOÀN THANH TRA

1. Đối với Cơ quan chuyên môn giúp UBND Tỉnh theo dõi về công tác kế hoạch và đầu tư

1.1. Các văn bản quy định về phân cấp, ủy quyền; hướng dẫn liên quan đến quản lý, sử dụng vốn đầu tư công hoặc nguồn vốn nhà nước chỉ cho đầu tư phát triển.

1.2. Hồ sơ, tài liệu về công tác lập, giao kế hoạch và bố trí vốn đầu tư của các năm 2015, 2016 và 2017, gồm:

a) Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về đăng ký kế hoạch vốn đầu tư của UBND Tỉnh;

b) Các văn bản của Sở, ngành, UBND các cấp đăng ký kế hoạch vốn đầu tư với UBND Tỉnh;

c) Hồ sơ, tài liệu của UBND Tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về bố trí vốn;

d) Hồ sơ, tài liệu bố trí vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

e) Nghị quyết của HĐND Tỉnh thông qua việc phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển;

f) Hồ sơ, tài liệu về phân bổ vốn của UBND Tỉnh theo kế hoạch vốn được phê duyệt;

g) Các quyết định liên quan đến phân bổ vốn Trái phiếu chính phủ; vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; vốn bổ sung có mục tiêu NSTW (nếu có);

h) Các Báo cáo tổng kết việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển của UBND Tỉnh;

1.3. Các Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư năm 2015, 2016 và 2017 của UBND Tỉnh;

1.4. Các Văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND Tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản số 3137/BKHĐT-TH ngày 22/5/2015 của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

1.5. Báo cáo nợ đọng xây dựng cơ bản đến 31/12/2017.

2. Đối với các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án

2.1. Báo cáo tổng hợp về tình hình thực hiện các dự án được giao làm chủ

đầu tư hoặc quản lý (theo hướng dẫn tại Văn bản số 267/BKHĐT-TTr ngày 12/01/2018 của Bộ KH&ĐT).

2.2. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu của từng dự án có tên trong Danh sách dự án để cung cấp **đợt 1** cho Đoàn thanh tra (theo Phụ biểu số 01 gửi kèm).

Hồ sơ từng loại dự án được sắp xếp thứ tự từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành, kết thúc dự án (theo Phụ biểu số 02, 03, 04 và 06 gửi kèm) và đã được Ban quản lý dự án kiểm tra, ký và đóng dấu vào Biên bản bàn giao hồ sơ tài liệu trước khi bàn giao cho Đoàn thanh tra.

2.3. Hồ sơ, tài liệu về thanh tra, kiểm toán liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công (đối với các dự án có tên trong Danh sách dự án).

a) Đối với những dự án đã được thanh tra, kiểm toán: Cung cấp các Kết luận thanh tra và Báo cáo kiểm toán và hồ sơ đính kèm (nếu có)

b) Đối với những dự án đang được thanh tra, kiểm toán: Cung cấp Quyết định thanh tra, Quyết định kiểm toán.

2.4. Báo cáo tổng hợp tình hình thanh, quyết toán vốn đầu tư XDCB của từng dự án (theo Phụ biểu số 05 gửi kèm).

2.5. Trong quá trình thanh tra, căn cứ vào tình hình thực tế, Đoàn thanh tra có thể yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu của các dự án không có tên trong Danh sách dự án hoặc cung cấp bổ sung các hồ sơ, tài liệu khác (nếu cần).

II. CUNG CẤP HỒ SƠ, TÀI LIỆU VÀ LÀM VIỆC VỚI ĐOÀN THANH TRA

1. Cơ quan chuyên môn giúp UBND Tỉnh theo dõi về công tác kế hoạch và đầu tư

Cung cấp hồ sơ, tài liệu cho Đoàn thanh tra vào hồi 08 giờ 00 ngày 23/4/2017.

2. Các Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án

Các Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án đến làm việc và cung cấp hồ sơ, tài liệu cho Đoàn Thanh tra theo lịch làm việc được quy định tại Phụ biểu số 01.

PHỤ BIỂU 01: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2015-2017 (đợt 1)

(Kèm theo Báo cáo số 20/BC-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN

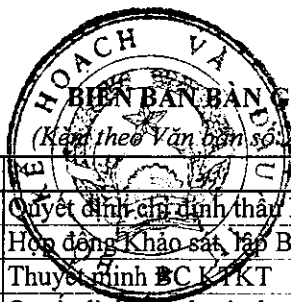
STT	Dự án	Chủ đầu tư	Nhóm	Quyết định phê duyệt	Tổng Mức đầu tư	Thời gian cung cấp hồ sơ
1	Đường từ thị trấn Mường Tè đến Nậm Nhỏ	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	B	689/16.6.11	149.000	14h-:16h30' ngày 24/4/2018
2	San gạt mặt bằng khu trung tâm hành chính huyện Tân Uyên	Ban QLDA xây dựng cơ bản và HTBT đi dân TĐC huyện Tân Uyên	B	843/20.6.10; 1258/06.9.10; 403/01.4.11; 1853/26.12.13	149.810	14h-:16h30' ngày 23/4/2018
3	Bến xe khách tỉnh Lai Châu	Ban QLDA TP Lai Châu	C	1226/20.10.11	35.375	14h-:15h ngày 20/4/2018
4	Đường tuần tra biên giới Ma Lù Thàng - Chợ Sĩ Choang (Đoạn Ma Lù Thàng - Lũng Than)	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	B	1378/28.10.10; 1910/31.12.13	60.230	9h-:11h ngày 20/4/2018
5	Đường Mường Tè - Pa Ủ	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	B	1263/24.10.11	159.360	14h-:16h30' ngày 24/4/2018
6	Đường Thân Thuộc - Nậm Cắn - Nậm Sỏ - Noong Hèo	Ban QLDA xây dựng cơ bản và HTBT đi dân TĐC huyện Tân Uyên	B	1372/04.10.2007.122a/ 20.01.2010; 1233/29.09.2010	210.000	14h-:16h30' ngày 23/4/2018
7	Thủy lợi Ma sao phìn, xã Khun Há, huyện Tam Đường	Ban QLDA huyện Tam Đường	C		28.000	8h30'-:11h ngày 24/4/2018
8	Nhà ở dành cho học sinh người đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lai Châu	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân Dụng và Công nghiệp	B	1129/17.9.14	72.000	15h-:16h30' ngày 20/4/2018
9	Thủy lợi Nậm Xe xã Nậm Xe	Ban QLDA huyện Phong Thổ	C	1299/30.10.13	45.000	15h-:17h ngày 23/4/2018
10	Đường giao thông từ Nậm Pha - Thên Thầu đến xã Khun Há, huyện Tam Đường.	Ban QLDA huyện Tam Đường	C	1310/30.10.13	36.000	8h30'-:11h ngày 24/4/2018
11	Hệ thống đường nội thị thị trấn huyện Tân Uyên	Ban QLDA xây dựng cơ bản và HTBT đi dân TĐC huyện Tân Uyên	C	1314/30.10.13; 655/25.6.14	45.000	14h-:16h30' ngày 23/4/2018
12	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính, giáo dục huyện Tam Đường giai đoạn II	Ban QLDA huyện Tam Đường	C	1244/24.10.11; 1248/10.10.14	39.600	8h30'-:11h ngày 24/4/2018
13	Hệ thống thoát nước từ Phường Quyết Thắng đến Nậm Loóng	Ban QLDA TP Lai Châu	B	1277/25.10.12	57.000	14h-:15h ngày 20/4/2018

14	Hạ tầng kỹ thuật khu giáo dục, y tế và dân cư thị trấn Nậm Nhùn (giai đoạn I: San gạt mặt bằng)	Ban QLDA các công trình XD CB huyện Nậm Nhùn	B	13/12/30.10.13	75.000	15h:-17h ngày 23/4/2018
15	Đường thị xã Lai Châu - thị trấn Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân Dụng và Công nghiệp	B	12/03/17.10.11	915.000	15h:-16h30 ngày 20/4/2018
16	Đường nối QL 279 đến trung tâm xã Hua Nả huyện Than Uyên	Ban QLDA ĐTXD huyện Than Uyên	B	13/11/30.10.13	75.000	10h:-11h30 ngày 24/4/2018
17	Bố trí dân cư tập trung sát biên giới Việt - Trung, điểm Lòong Thàng (Nậm Tân Mông II), xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Sìn Hồ	C	13/7/31.10.13, 43/6/08.5.14	32.000	9h:-11h ngày 23/4/2018
18	Bố trí dân cư tập trung sát biên giới điểm Hua Pàng mới, điểm Nậm Ché xã Nậm Ban, huyện Nậm Nhùn	Ban QLDA các công trình XD CB huyện Nậm Nhùn	C	13/7/31.10.13	34.000	15h:-17h ngày 23/4/2018
19	Hạ tầng giao thông khu du lịch thị trấn Sìn Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Sìn Hồ	C	12/5/25.10.12, 32/3/07.4.14	36.000	9h:-11h ngày 23/4/2018
20	Đường trung tâm xã Thu Lùm - Là Si, huyện Mường Tè	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	C	13/16/30.10.13	50.000	9h:-11h ngày 20/4/2018
21	Đường tuần tra biên giới Ma Lù Thàng - Chợ Si Choang (Đoạn Lũng Than - Chợ Si Choang)	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	B	13/15/30.10.13	60.000	9h:-11h ngày 20/4/2018
22	Đường Cao Trai - Nậm Ngà, xã Tả Tổng	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	B	12/6/24.10.11	61.370	14h:-16h30' ngày 24/4/2018
23	Đường giao thông đến bản Là Pê 1, 2	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	C	11/88/24.10.13	55.000	14h:-16h30' ngày 24/4/2018
24	Kiến cổ hóa kênh mương cảnh đồng Bình Lư và cảnh đồng Nà Tăm huyện Tam Đường	Ban QLDA huyện Tam Đường	B	12/79/25.10.12	86.000	8h30'-11h ngày 24/4/2018
25	Đường giao thông nông thôn từ Km43 Mường Mỏ đến Nậm Chà xã Mường Mỏ	Ban QLDA các công trình XD CB huyện Nậm Nhùn	B	12/31/25.10.12	190.000	15h:-17h ngày 23/4/2018
26	Đường Pa Tần - Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD Các CT Giao thông	B	25/3/27.2.08	990.000	14h:-16h ngày 20/4/2018
27	Đường Giao thông liên vùng - đường tỉnh 107 (đoạn Pá Ngừa - Khau Riêng) huyện Tân Uyên	Ban QLDA bồi thường di dân TĐC tỉnh	B	11/65/16.9.10, 95/8/16.8.11, 11/39/17.9.14	990.000	10h:-11h ngày 20/4/2018
28	03 cầu qua sông Đà và hệ thống đường ngang phía tây sông đà	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	B	88/5/01.8.11, 12/6/24.02.14	2.894.612	14h:-16h30' ngày 24/4/2018

29	Bệnh viện đa khoa huyện Tân Uyên	Ban QLDA DTXD các CT Dân Dụng và Công nghiệp	B	1361/15.9.09; 1259/10.10.14	68.500	8h30' -:- 10h ngày 20/4/2018
30	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Tè	Ban QLDA DTXD các CT Dân Dụng và Công nghiệp	B	1255/28.8.09; 1117/12.9.14	87.400	8h30' -:- 10h ngày 20/4/2018
31	Bệnh viện đa khoa vùng thấp Sìn Hồ (mới tách)	Ban QLDA DTXD các CT Dân Dụng và Công nghiệp	B	169.28.01.10; 926/13.8.14	94.300	8h30' -:- 10h ngày 20/4/2018
32	Bệnh viện lao và phổi tỉnh Lai Châu	Ban QLDA DTXD các CT Dân Dụng và Công nghiệp	B	1762/03.11.09; 1549/26.11.14	96.800	8h30' -:- 10h ngày 20/4/2018
33	Đường Thèn Thầu xã Khun Há - Nậm Cung xã Mường Khoa	Ban QLDA huyện Tam Đường	C	1393/29.10.14	35.100	8h30' -:- 11h ngày 24/4/2018
34	Đường Séo Lềng - Nậm Tăm	Ban QLDA DTXD huyện Sìn Hồ	B	1347/28.10.14	320.000	9h-:- 11h ngày 23/4/2018
35	Thao trường kỹ thuật chiến thuật tổng hợp của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lai Châu	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	C	1394/29.10.14	29.000	9h-:- 11h ngày 20/4/2018
36	Đường giao thông liên vùng Tả Pá - Pa Ủ huyện Mường Tè	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	B	31/31.3.16	300.000	14h-:- 16h30' ngày 24/4/2018
37	Hồ thủy lợi và hồ nuôi trồng thủy sản Cò Lả, huyện Tam Đường	Ban QLDA huyện Tam Đường	C	1369/29.10.14	29.000	8h30' -:- 11h ngày 24/4/2018
38	Cấp nước Thị trấn huyện Tân Uyên	Ban QLDA xây dựng cơ bản và HTBT đi dân TĐC huyện Tân Uyên	C	1371/29.10.14	45.000	14h-:- 16h30' ngày 23/4/2018
39	Cải tạo ao cá Bắc Hồ	Ban QLDA TP Lai Châu	C	1372/29.10.14	42.000	14h-:- 15h ngày 20/4/2018
40	Hà tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính thị trấn Nậm Nhùn	Ban QLDA các công trình XD CB huyện Nậm Nhùn	B	1374/29.10.14	190.000	15h-:- 17h ngày 23/4/2018
41	Đường giao thông đến bản Nhóm Pỏ xã Tả Bạ	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè		1395/29.10.14	66.500	14h-:- 16h30' ngày 24/4/2018
42	Đường giao thông đến điểm ĐCĐC Nậm Kha Á (Tia Sùng Cái) xã Tả Tổng	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	C	1332/27.10.14	35.000	14h-:- 16h30' ngày 24/4/2018
43	Đường giao thông Cao Chải đến điểm ĐCĐC Tia Ma Mù xã Tả Tổng	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	C	1330/27.10.14	32.000	14h-:- 16h30' ngày 24/4/2018
44	Đường giao thông đến bản Nậm Tân Xá	Ban QLDA DTXD huyện Sìn Hồ	C	1396/29.10.14	31.400	9h-:- 11h ngày 23/4/2018
45	Đường Ngải Chò - Nậm Pé - Nậm Chằng	Ban QLDA DTXD huyện Sìn Hồ	B	1003/18.9.13	54.000	9h-:- 11h ngày 23/4/2018
46	Tuyến kẻ chống xói lở bảo vệ bờ suối Na Mù Chì Hồ khu vực mốc số 72(2)	BCH BDBP tỉnh	C	639/30.6.15	38.000	9h-:- 11h ngày 20/4/2018
47	Thủy lợi Nậm Pỏ, xã Nậm Mạnh	Ban QLDA các CTXD cơ bản huyện Nậm Nhùn	C	1339	32.000	15h-:- 17h ngày 23/4/2018

48	Đường trung tâm xã Bàn Giang đến xã Nùng Nàng	UBND huyện Tam Đường		178	39.000	8h30' - 11h ngày 24/4/2018
49	Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh	Ban QLDA BTXD các CT Dân Dựng và Công nghiệp	C	146/31.10.16	45.000	8h30' - 10h ngày 20/4/2018
50	Tuyến giao thông đến điểm ĐCDC Mù Su xã Mù Cà huyện Mường Tè	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	C	122/28.10.16	18.000	14h - 16h30' ngày 24/4/2018
51	Đường Lũng Thàng - Nậm Lúc 1 - Nậm Lúc 2 huyện Sìn Hồ	Ban QLDA BTXD huyện Sìn Hồ	C	119/28.10.16	20.000	9h - 11h ngày 23/4/2018
52	Đường liên xã Sùng Phài - Thên Sìn huyện Tam Đường	Ban QLDA huyện Tam Đường	C	130/28.10.16	25.000	8h30' - 11h ngày 24/4/2018
53	Đường Nà Ngò - Hua Ngò - Nà Lào xã nậm Sỏ huyện Tân Uyên	Ban QLDA xây dựng cơ bản và HTBT đi dân TĐC huyện Tân Uyên	C	131/28.10.16	35.000	14h - 16h30' ngày 23/4/2018
54	Đường Tả Phìn - Xà Dè Phìn; Nâng cấp đường Nậm Cuối - Hua Cuối - Nậm Cọ Mông huyện Sìn Hồ	Ban QLDA BTXD Các CT Giao thông	B	140/31.10.16	100.000	14h - 16h ngày 20/4/2018
55	Nâng cấp đường Pa Ủ Hà Xi xã Pa Ủ huyện Mường Tè	Ban QL công trình dự án PTKT-XH huyện Mường Tè	C	50/31.3.2016	23.000	14h - 16h30' ngày 24/4/2018
56	Đường giao thông nông thôn từ Trung tâm xã Nậm Mạnh đến bản Nậm Nàn	Ban QLDA các công trình XD CB huyện Nậm Nhùn	C	54/31.3.2016	28.000	15h - 17h ngày 23/4/2018
57	Đường giao thông nông thôn từ Thên Sìn đến bản Sìn Cầu và Phan Khèo	Ban QLDA huyện Tam Đường	C	55/31.3.2016	30.000	8h30' - 11h ngày 24/4/2018
58	Đường QL 32 - Mít Nọi - Bàn Thảo huyện Tân Uyên	Ban QLDA xây dựng cơ bản và HTBT đi dân TĐC huyện Tân Uyên	C	51/31.3.2016	22.000	14h - 16h30' ngày 23/4/2018
59	Nâng cấp đường GTNT bản Mờ đi Noong Quang xã Khoen On	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên	C	87	20.000	10h - 11h30 ngày 24/4/2018
60	NC Đường GTNT QL100 - Sėjo Lêng - Lêng Xuôi Chin - Xin Chải - Tả Lêng	Ban QLDA huyện Phong Thổ	C	82	23.000	15h - 17h ngày 23/4/2018
61	Thủy lợi Pẻ Ngải 1+2	Ban QLDA các CTXD cơ bản huyện Nậm Nhùn	C	89	30.000	15h - 17h ngày 23/4/2018
62	Đường giao thông Nậm Phìn - Cờ Lò 1	BQLCTDA PT KT-XH huyện Mường Tè	C	91	25.000	14h - 16h30' ngày 24/4/2018
63	Kê bảo vệ khu dân cư, đất nông nghiệp suối Nậm Bón xã Hua Nà, huyện Than Uyên	Ban QLDA BTXD huyện Than Uyên	C	93/29.8.17	50.000	10h - 11h30 ngày 24/4/2018

64	Đường Quốc lộ 32 - Thân Thuộc - Nậm Cắn - Nậm Sò - Noong Héo - Nậm Tắm - Séc Lềng	Ban QLDA ĐTXD Các CT Giao thông	B	293/31.3.17	690.000	14h:-16h ngày 20/4/2018
65	Đầu tư xây dựng phòng học các trường mầm non, tiểu học huyện Tân Uyên	Ban QLDA xây dựng cơ bản và HTBT di dân TĐC huyện Tân Uyên	C	570/7.6.17	30.900	14h:-16h30' ngày 23/4/2018
66	Đầu tư xây dựng phòng học các trường mầm non, tiểu học huyện Phong Thổ	Ban QLDA huyện Phong Thổ	C	568/7.6.17	37.800	15h:-17h ngày 23/4/2018



PHỤ BIỂU SỐ 02

BIÊN BẢN BÀN GIAO HỒ SƠ, TÀI LIỆU ĐỐI VỚI DỰ ÁN THIẾT KẾ MỘT BƯỚC

(Kèm theo Văn bản số 2074 /BKHĐT-TTr ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên hồ sơ, tài liệu	Bàn giao	Ghi chú
1	Quyết định cấp định thầu Khảo sát, lập BCKTKT.		
2	Hợp đồng Khảo sát, lập BCKTKT.		
3	Thuyết minh BCKTKT		
4	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư		
5	Tổng dự toán, dự toán chi tiết được phê duyệt và các lần điều chỉnh		Bản mềm thiết kế; dự toán
6	Bản vẽ thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công và các lần điều chỉnh		
7	Biên bản nghiệm thu khảo sát, thiết kế		
8	Quyết định phê duyệt thiết kế, tổng dự toán lần đầu và các lần điều chỉnh		
9	Quyết định phê duyệt Kế hoạch đấu thầu		
10	Quyết định phê duyệt Hồ sơ đề xuất		
11	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu		
12	Quyết định phê duyệt thành lập tổ chuyên gia chấm thầu		
13	Hồ sơ mời thầu		Bản mềm Dự toán; Dự thầu
14	Hồ sơ dự thầu (của nhà thầu trúng thầu)		
15	Hồ sơ đề xuất		
16	Hồ sơ yêu cầu		
17	Các chứng chỉ đầu thầu của các thành viên trong tổ chấm thầu		
18	Báo cáo kết quả của tổ chấm thầu		
19	Quyết định phê duyệt kết quả thầu trúng thầu		
20	Hợp đồng thi công		
21	Phụ lục hợp đồng thi công		
22	Tờ trình và văn bản cho phép gia hạn tiến độ thực hiện thi công		
23	Hợp đồng với đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn lập Hồ sơ mời		
24	Các chứng từ chuyển tiền thanh toán cho đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám		
25	Các Văn bản công bố điều chỉnh giá nguyên vật liệu, ca máy, nhân công...		
26	Hồ sơ kiểm định chất lượng công trình đề cấp Giấy CN đủ điều kiện đảm bảo		
27	Các biên bản nghiệm thu từng giai đoạn		
28	Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng		
29	Nhật ký thi công		
30	Hồ sơ nghiệm thu thanh toán các giai đoạn		Bản mềm thanh toán
31	Các chứng từ chuyển tiền thanh toán theo từng đợt cho nhà thầu thi công		
32	Bản vẽ hoàn công		
33	Biên bản thanh lý hợp đồng		
34	Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng, kèm theo các chứng từ nộp thuế tài		
35	Biên bản bàn giao công trình khi hết thời gian bảo hành		
36	Hồ sơ quyết toán công trình xây dựng		
+	Báo cáo Quyết toán công trình		
+	Tờ trình thẩm tra		
+	Biên bản thẩm tra		
+	Báo cáo thẩm tra		
+	Quyết định phê duyệt quyết toán		
37	Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư		
38	Hồ sơ, tài liệu khác		
			

Lưu ý: Ở cột Bàn giao ghi chữ "CÓ" đối với hồ sơ, tài liệu có. Ghi chữ "KHÔNG" đối với hồ sơ, tài liệu và ghi rõ lý do không có ở cột "Ghi chú"

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

TM. ĐOÀN THANH TRA



PHỤ BIỂU SỐ 03

BIÊN BẢN BÀN GIAO HỒ SƠ, TÀI LIỆU ĐỐI VỚI DỰ ÁN THIẾT KẾ HAI BƯỚC

(Kèm theo Văn bản số 2014/BKHĐT-TTr ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên hồ sơ, tài liệu	Bàn giao	Ghi chú
1	Quyết định chỉ định thầu Khảo sát bước lập dự án đầu tư xây dựng, lập dự án đầu tư		
2	Hợp đồng Khảo sát bước lập dự án đầu tư xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng.		
3	Nhật ký khảo sát, nhật ký giám sát.		
4	Biên bản nghiệm thu khảo sát, lập dự án (thiết kế cơ sở)		
5	Thuyết minh dự án		
6	Tổng mức đầu tư, được phê duyệt và các lần điều chỉnh (nếu có)		
7	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư		
8	Quyết định chỉ định thầu Khảo sát bước, thiết kế bản vẽ thi công.		
9	Tổng dự toán, dự toán chi tiết được phê duyệt và các lần điều chỉnh (nếu có)		Bản mềm thiết kế; dự toán
10	Bản vẽ thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công và các lần điều chỉnh (nếu có)		
11	Biên bản nghiệm thu khảo sát, nghiệm thu thiết kế BVTC		
12	Quyết định phê duyệt thiết kế, tổng dự toán lần đầu và các lần điều chỉnh (nếu có)		
13	Quyết định phê duyệt Kế hoạch đầu thầu		
14	Quyết định phê duyệt Hồ sơ đề xuất (nếu có)		
15	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu		
16	Quyết định phê duyệt thành lập tổ chuyên gia chấm thầu		
17	Hồ sơ mời thầu		Bản mềm Dự toán; Dự thầu
18	Hồ sơ dự thầu (của nhà thầu trúng thầu)		
19	Hồ sơ đề xuất (nếu có)		
20	Hồ sơ yêu cầu (nếu có)		
21	Các chứng chỉ đầu thầu của các thành viên trong tổ chấm thầu		
22	Báo cáo kết quả của tổ chấm thầu		
23	Quyết định phê duyệt kết quả thầu trúng thầu		
24	Hợp đồng thi công		
25	Phụ lục hợp đồng thi công (nếu có)		
26	Tờ trình và văn bản cho phép gia hạn tiến độ thực hiện thi công		
27	Hợp đồng với đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn lập Hồ sơ mời thầu...		
28	Các chứng từ chuyển tiền thanh toán cho đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát...		
29	Các Văn bản công bố điều chỉnh giá nguyên vật liệu, ca máy, nhân công...		
30	Các biên bản nghiệm thu từng giai đoạn		
31	Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng		
32	Nhật ký thi công		
33	Hồ sơ kiểm định chất lượng công trình để cấp Giấy CN đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và Giấy CN phù hợp chất lượng công trình		
34	Hồ sơ nghiệm thu thanh toán các giai đoạn		Bản mềm
35	Các chứng từ chuyển tiền thanh toán theo từng đợt cho nhà thầu thi công		
36	Hồ sơ quyết toán công trình xây dựng		
36.1	Báo cáo Quyết toán công trình		
36.2	Tờ trình thẩm tra		
36.3	Biên bản thẩm tra		
36.4	Báo cáo thẩm tra		
36.5	Quyết định phê duyệt quyết toán		
37	Bản vẽ hoàn công		
38	Biên bản thanh lý hợp đồng		
39	Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng, kèm theo các chứng từ nộp thuế tài nguyên, phí môi trường của nhà thầu thi công		
40	Biên bản bàn giao công trình khi hết thời gian bảo hành		
41	Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư		
42	Hồ sơ, tài liệu khác		
42.1			
42...			

Lưu ý: Ở cột Bàn giao ghi chữ "**CÓ**" đối với hồ sơ, tài liệu có. Ghi chữ "**KHÔNG**" đối với hồ sơ, tài liệu và ghi rõ lý do không có ở cột "Ghi chú"

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

TM. ĐOÀN THANH TRA

PHỤ BIỂU SỐ 04
BIÊN BẢN BÀN GIAO HỒ SƠ, TÀI LIỆU ĐỐI VỚI DỰ ÁN THIẾT KẾ BA BƯỚC
(Kèm theo Văn bản số 2073/BKHĐT-TTr ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Nội dung	Bàn giao	Ghi chú
I	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ:		
1	Chủ trương đầu tư xây dựng công trình.		
2	Thỏa thuận địa điểm xây dựng với chính quyền địa phương.		
3	Tờ trình xin chỉ định đơn vị đo vẽ hiện trạng khu đất		
4	Quyết định phê duyệt đơn vị đo vẽ hiện trạng khu đất		
5	Hợp đồng đo vẽ hiện trạng khu đất		
6	Nghiệm thu công việc đo vẽ hiện trạng khu đất		
7	Thanh lý hợp đồng đo vẽ hiện trạng khu đất.		
8	Tờ trình xin chỉ định đơn vị thiết kế quy hoạch.		
9	Quyết định phê duyệt lựa chọn đơn vị thiết kế quy hoạch.		
10	Hợp đồng thiết kế quy hoạch.		
11	Tờ trình thẩm định phê duyệt thiết kế quy hoạch.		
12	Nghiệm thu thiết kế quy hoạch.		
13	Thanh lý hợp đồng thiết kế quy hoạch.		
A	Lập dự án đầu tư xây dựng		
1	Tờ trình xin chỉ định thầu Khảo sát bước lập dự án đầu tư xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng.		
2	Quyết định chỉ định thầu Khảo sát bước lập dự án đầu tư xây dựng, lập dự án đầu tư XD		
3	Hợp đồng Khảo sát bước lập dự án đầu tư xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng.		
4	Tờ trình xin chỉ định đơn vị rà phá bom mìn.		
5	Quyết định chỉ định đơn vị rà phá bom mìn.		
6	Hợp đồng rà phá bom mìn		
7	Nghiệm thu kết quả rà phá bom mìn.		
8	Báo cáo đánh giá tác động môi trường.		
9	Trình thẩm định hồ sơ dự án đầu tư xây dựng.		
9.1	Thuyết minh dự án đầu tư xây dựng công trình.		Bản mềm
9.2	Bản vẽ thiết kế cơ sở (có ý kiến của cơ quan ban ngành chuyên môn tại địa phương)		Bản mềm
9.3	Các hồ sơ, văn bản liên quan trên.		
10	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng		
11	Xin giấy phép xây dựng		
B	Đền bù, giải phóng mặt bằng.		
1	Lập phương án đền bù, kiểm kê, GPMB		
2	Tờ trình xin phê duyệt phương án đền bù		
3	Quyết định phê duyệt phương án đền bù		
4	Tờ trình xin thu hồi, giao đất xây dựng		
5	Quyết định thu hồi đất tổng thể		
6	Quyết định giao đất xây dựng		
7	Quyết định thu hồi đất chi tiết		
8	Kiểm kê, áp giá, công khai đền bù GPMB		
9	Quyết định phê duyệt đền bù GPMB		
10	Chi trả đền bù		
11	Bàn giao mặt bằng xây dựng		
12	QB thành lập BQLDA (hoặc phân giao bộ phận phụ trách)		
C	Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công công trình		
1	Tờ trình xin chỉ định đơn vị khảo sát thiết kế kỹ thuật.		
2	Quyết định chỉ định đơn vị khảo sát thiết kế kỹ thuật.		
3	Hợp đồng khảo sát bước thiết kế kỹ thuật.		
4	Trình hồ sơ nhiệm vụ khảo sát		
5	Báo cáo kết quả khảo sát (6 bộ)		
6	Nghiệm thu kết quả khảo sát bước thiết kế kỹ thuật.		
7	Tờ trình xin chỉ định đơn vị tư vấn thiết kế bản vẽ kỹ thuật		
8	Quyết định chỉ định đơn vị thiết kế bản vẽ kỹ thuật.		
9	Hợp đồng thiết kế bản vẽ kỹ thuật.		
9.1	Tờ trình chỉ định đơn vị thẩm tra hồ sơ bản vẽ kỹ thuật.		
9.2	Quyết định lựa chọn đơn vị thẩm tra hồ sơ bản vẽ kỹ thuật.		
9.3	Hợp đồng lựa chọn đơn vị thẩm tra hồ sơ bản vẽ kỹ thuật.		
9.4	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ bản vẽ kỹ thuật.		
10	Nghiệm thu hồ sơ thiết kế kỹ thuật (bản vẽ và dự toán).		Bản mềm
11	Trình thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật.		
12	Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật.		

TT	Nội dung	Bản giao	Ghi chú
13	Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật		
14	Tờ trình xin chỉ định đơn vị tư vấn thiết kế bản vẽ thi công		
15	Quyết định chỉ định đơn vị thiết kế bản vẽ thi công.		
16	Hợp đồng thiết kế bản vẽ thi công.		
16.1	Tờ trình chỉ định đơn vị thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công.		
16.2	Quyết định lựa chọn đơn vị thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công.		
16.3	Hợp đồng lựa chọn đơn vị thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công.		
16.4	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công.		
17	Nghiệm thu hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (bản vẽ và dự toán).		Bản mềm
18	Trình thẩm định hồ sơ thiết kế thi công.		
19	Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế thi công.		
20	Quyết định phê duyệt hồ sơ bản vẽ thi công.		
21	Xác nhận của đơn vị thẩm tra và chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ bản vẽ thi công.		
22	Thanh lý hợp đồng Tư vấn Khảo sát bước lập thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và hồ sơ bản vẽ thi công.		
II	GIẢI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU THẦU VÀ ĐẦU THẦU		
1	Hồ sơ về đơn vị lập kế hoạch đấu thầu		
1.1	Tờ trình xin chỉ định đơn vị lập kế hoạch đấu thầu.		
1.2	Quyết định chỉ định đơn vị lập kế hoạch đấu thầu.		
1.3	Hợp đồng lập kế hoạch đấu thầu.		
1.4	Biên bản nghiệm thu kế hoạch đấu thầu		
2	Tờ trình thẩm định kế hoạch đấu thầu		
3	Báo cáo kết quả thẩm định kế hoạch đấu thầu		
4	Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu		
5	Tờ trình xin chỉ định đơn vị lập hồ sơ mời thầu		
6	Quyết định chỉ định đơn vị lập hồ sơ mời thầu		
7	Hợp đồng lập hồ sơ mời thầu.		
8	Biên bản nghiệm thu Hồ sơ mời thầu		
9	Tờ trình xin thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu, Tờ tư vấn xét thầu (hoặc xin thẩm định, phê duyệt HS mời thầu yêu cầu, đơn vị xin nhận thầu, Tờ tư vấn xét thầu)		
10	Kết quả thẩm định Hồ sơ mời thầu, Tờ tư vấn xét thầu (hoặc HS mời thầu yêu cầu, đơn vị xin nhận thầu, Tờ tư vấn xét thầu)		
11	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu, Tờ tư vấn xét thầu (hoặc HS mời thầu yêu cầu, đơn vị xin nhận thầu, Tờ tư vấn xét thầu)		
12	Tờ trình xin DT hạn chế và danh sách các nhà thầu tham dự đấu thầu hạn chế (nếu có)		
13	Quyết định phê duyệt đấu thầu hạn chế và danh sách các nhà thầu		
14	Thông báo mời thầu (trên các phương tiện thông tin đại chúng)		
15	Thư mời thầu (đấu thầu hạn chế; chỉ định thầu)		
16	Tổ chức bán Hồ sơ mời thầu		
17	Tổ chức đấu thầu (hoặc xét chỉ định thầu):		
17.1	Biên bản đóng thầu, Biên bản mở thầu; Biên bản xét thầu		
17.2	Các bảng xét thầu bằng thang điểm (hoặc đạt - không đạt)		
17.3	Biên bản kiểm tra lỗi số học (nếu có)		
18	Tờ trình xin thẩm định - phê duyệt kết quả đấu thầu (hoặc chỉ định thầu)		
19	Kết quả thẩm định kết quả đấu thầu (hoặc xét chỉ định thầu)		Bản mềm Dự thầu
20	Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu (hoặc xét chỉ định thầu)		
21	Thông báo trúng thầu		
III	GIẢI ĐOẠN THI CÔNG XÂY LẬP CÔNG TRÌNH		
1	Biên bản thương thảo Hợp đồng xây lắp và tư vấn giám sát.		
2	Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu thi công xây lắp.		Bản mềm
3	Phụ lục HĐ (Bảng tiên lượng có ghi giá, Danh mục vật tư - thiết bị, Tiến độ thi công, ...)		
4	Quyết định cử cán bộ chủ chốt tại CT (Chỉ huy trưởng, Kỹ thuật, GS trưởng, GS viên).		
5	Khởi công, mở nhật ký công trình, nhật ký giám sát, theo dõi tổ chức thi công, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn hoàn thành, quản lý chất lượng - tiến độ - vệ sinh - an toàn theo Luật Xây dựng.		
6	Lập Hồ sơ quản lý chất lượng và hoàn công công trình		
7	Nghiệm thu - thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành (theo giai đoạn).		Bản mềm
IV	GIẢI ĐOẠN HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH		
1	Báo cáo giám sát, đánh giá chất lượng công trình		
2	Biên bản Nghiệm thu kỹ thuật giai đoạn hoàn thành công trình		
3	Biên bản phúc đáp Nghiệm thu kỹ thuật hoàn thành công trình		
4	Biên bản kiểm tra hồ sơ nghiệm thu		

TT	Nội dung	Bàn giao	Ghi chú
5	Hồ sơ kiểm định chất lượng công trình để cấp Giấy CN đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và Giấy CN phù hợp chất lượng công trình		
5.2	Tờ trình xin chỉ định đơn vị tư vấn chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình XD		
5.3	Quyết định chỉ định đơn vị tư vấn chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình XD		
5.4	Hợp đồng tư vấn chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng.		
5.5	Kết quả chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng		
5.6	Thanh lý hợp đồng tư vấn chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng.		
6	Thanh lý hợp đồng kinh tế giao nhận thầu thi công xây lắp, tư vấn giám sát		
7	Hồ sơ quyết toán công trình xây dựng		
7.1	Báo cáo Quyết toán công trình		
7.2	Tờ trình thẩm tra		
7.3	Biên bản thẩm tra		
7.4	Báo cáo thẩm tra		
7.5	Quyết định phê duyệt quyết toán		
8	Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình - bàn giao đưa vào sử dụng		Bản mềm
9	Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư		
V	GIẢI ĐOẠN BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH		
1	Kiểm tra định kỳ		
2	Biên bản kiểm tra kết thúc thời gian Bảo hành công trình		
3	Hồ sơ, tài liệu khác		
3.1			
3....			

Lưu ý: + Ở cột Bàn giao ghi chữ "**CÓ**" đối với hồ sơ, tài liệu có. Ghi chữ "**KHÔNG**" đối với hồ sơ, tài liệu không có và ghi rõ lý do không có ở cột "Ghi chú"

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

TM. ĐOÀN THANH TRA

CHỮ ĐẦU TƯ:(tên chủ đầu tư)

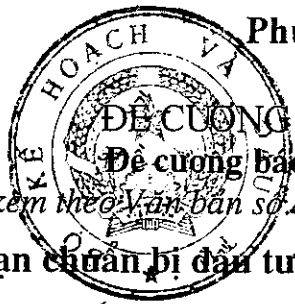
PHỤ BIỂU SỐ 05

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THANH, QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN (tên dự án)
(Kèm theo Văn bản số: 2D/74/BKHD-TT ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên dự án, công trình, chi phí, gói thầu	Giá trị theo QĐĐT (gồm cả điều chỉnh, bổ sung)	Giá trị theo Tổng dự toán/ dự toán hàng mục (gồm cả điều chỉnh, bổ sung)	Giá trị tăng thêm, hoặc chi định thầu	Giá trị Hợp đồng ký kết (gồm cả Phụ lục điều chỉnh, bổ sung)	Giá trị K.L.H.T đã nghiệm thu A-B (tính đến 31/12/2017)	Tình hình thanh, quyết toán dự án (tính đến 31/12/2017)					Chú thích
							Dự án chưa quyết toán		Dự án đã quyết toán			
							Dự án chưa thanh toán/tạm ứng	Giá trị chưa thanh toán	Giá trị được phê duyệt quyết toán	Giá trị đã thanh toán/tạm ứng	Giá trị chưa thanh toán	
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng											
1.1	Chi phí xây lắp											
a)	Gói số 1 (Tên gói thầu)											
b)												
1.2	Chi phí thiết bị											
a)	Gói số 1 (Tên gói thầu)											
b)												
1.3	Chi phí quản lý dự án											
1.4	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng											
a)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ											
b)	Chi phí thực hiện bồi thường GPMB											
1.5	Chi phí tư vấn											
a)	Chi phí khảo sát bước lập dự án											
b)	Lập dự án đầu tư xây dựng công trình											
c)	Chi phí tham tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án đầu tư											
d)	Chi phí khảo sát bước thiết kế											
e)	Chi phí lập thiết kế											
f)	Thêm tra hồ sơ thiết kế											
g)	Thêm tra hồ sơ dự toán											
h)	Lập HSM/T và PTEG HSDT xây lắp											
k)	Lập HSM/T và PTEG HSDT thiết bị											
l)	Giảm sát thi công xây lắp											
m)	Giảm sát thi công lắp đặt thiết bị											
n)	Chi phí đánh giá tác động môi trường											
1.6	Chi phí khác											
a)	Chi phí kiểm định, cấp Giấy CN đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và phù hợp về chất lượng công trình											
b)	Lệ phí thẩm định dự án											
c)	Lệ phí thẩm định thiết kế cơ sở											
d)	Chi phí thẩm định kết quả đầu thầu											
e)	Chi phí rà soát bom, mìn											
f)	Chi phí bảo hiểm công trình											
g)	Chi phí thuê kiểm toán											
h)	Chi phí tham tra phê duyệt quyết toán											
1.7	Chi phí dự phòng											

CHỮ ĐẦU TƯ
(ký và đóng dấu)



Phụ biểu báo cáo Dự án số 06

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐOÀN THANH TRA

Đề cương báo cáo về quá trình thực hiện dự án.

(kèm theo Văn bản số 274/BKHĐT-TTr ngày 02 tháng 4 năm 2018)

1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư

- Nêu tóm tắt quá trình hình thành dự án, các kế hoạch, qui hoạch, chủ trương, đề xuất đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Quá trình lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đầu tư dự án đầu tư (tờ trình, ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, văn bản thẩm định, văn bản ủy quyền phê duyệt (nếu có), quyết định phê duyệt);
- Mục tiêu, qui mô, hình thức đầu tư ;
- Tổng mức đầu tư;
- Thay đổi tổng mức đầu tư (lý do thay đổi, các quyết định thay đổi);
- Tiến độ thực hiện dự án;
- Các nội dung khác có liên quan.

2. Giai đoạn thực hiện đầu tư

2.1. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, tổng dự toán

- Quá trình lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, tổng dự toán (tờ trình, báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt);
- Nghiệm thu công tác thiết kế kỹ thuật và dự toán
- Qui mô, kết cấu công trình;
- Tổng dự toán;
- Thay đổi tổng dự toán (lý do thay đổi, các quyết định thay đổi);
- Tiến độ thực hiện.

2.2. Kế hoạch đấu thầu

- Quá trình lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu (đơn vị lập KHĐT, tờ trình, báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt);
- Bảng tổng hợp toàn bộ các gói thầu theo Kế hoạch đấu thầu được phê duyệt:

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

2.3. Tổ chức đấu thầu

- Tình hình thực hiện việc đấu thầu theo Kế hoạch đấu thầu được duyệt;
- Kết quả đấu thầu

STT	Tên gói thầu	Tên nhà thầu trúng thầu	Giá gói thầu	Giá trúng thầu/giá ký hợp đồng	Loại hợp đồng	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

2.4. Giao, nhận đất, đền bù giải phóng mặt bằng và rà phá bom, mìn

.....

2.5. Kết quả thực hiện hợp đồng

- Tình hình triển khai thực hiện hợp đồng;

- Kết quả thực hiện hợp đồng:

STT	Tên gói thầu	Giá hợp đồng	Giá trị thực hiện	Giá trị thanh toán	Tiến độ thi công	
					Thực tế	Theo HĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

2.6. Các nội dung khác:

- Bảng tổng hợp Khối lượng Hợp đồng và Khối lượng của BVTC.
- Bảng tổng hợp Khối lượng của BVTC và thực tế thi công và nghiệm thu .
- Tổng hợp các xác nhận công việc hàng tháng theo điều khoản của Hợp đồng.

2.7. Tình hình giải ngân

Tình hình phân bổ vốn, giải ngân, nợ đọng vốn đầu tư.

3. Tự nhận xét, đánh giá về quá trình thực hiện dự án

- Kết quả thực hiện dự án, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện (nguyên nhân);
- Kiến nghị về những vấn đề cụ thể cần tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án; những nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong các qui định của pháp luật về đầu tư-xây dựng, về đấu thầu và các qui định khác có liên quan.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên đóng dấu)